

Bài 28: GIỚI THIỆU VỀ CÁC NGUỒN THU CỦA CHÍNH PHỦ

Kinh tế học khu vực công
Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright
Năm học 2015-2016

Huỳnh Thế Du

Nội dung trình bày

- ✓ Các phương pháp hoạch toán GDP
- ✓ Các thuộc tính của một sắc thuế tốt
- ✓ Cơ cấu thu và chi ngân sách nhà nước ở Việt Nam
- ✓ Các loại thuế trực thu
- ✓ Các loại thuế gián thu
- ✓ Các loại thuế đánh vào tài sản
- ✓ Các nguồn thu khác
- ✓ Xu hướng các nguồn thu

Các phương pháp hạch toán GDP

- ✓ Phương pháp sản xuất

$$\text{GDP} = \text{GTGT} [\text{Nông nghiệp} + \text{Công nghiệp} + \text{Dịch vụ}]$$

- ✓ Phương pháp thu nhập

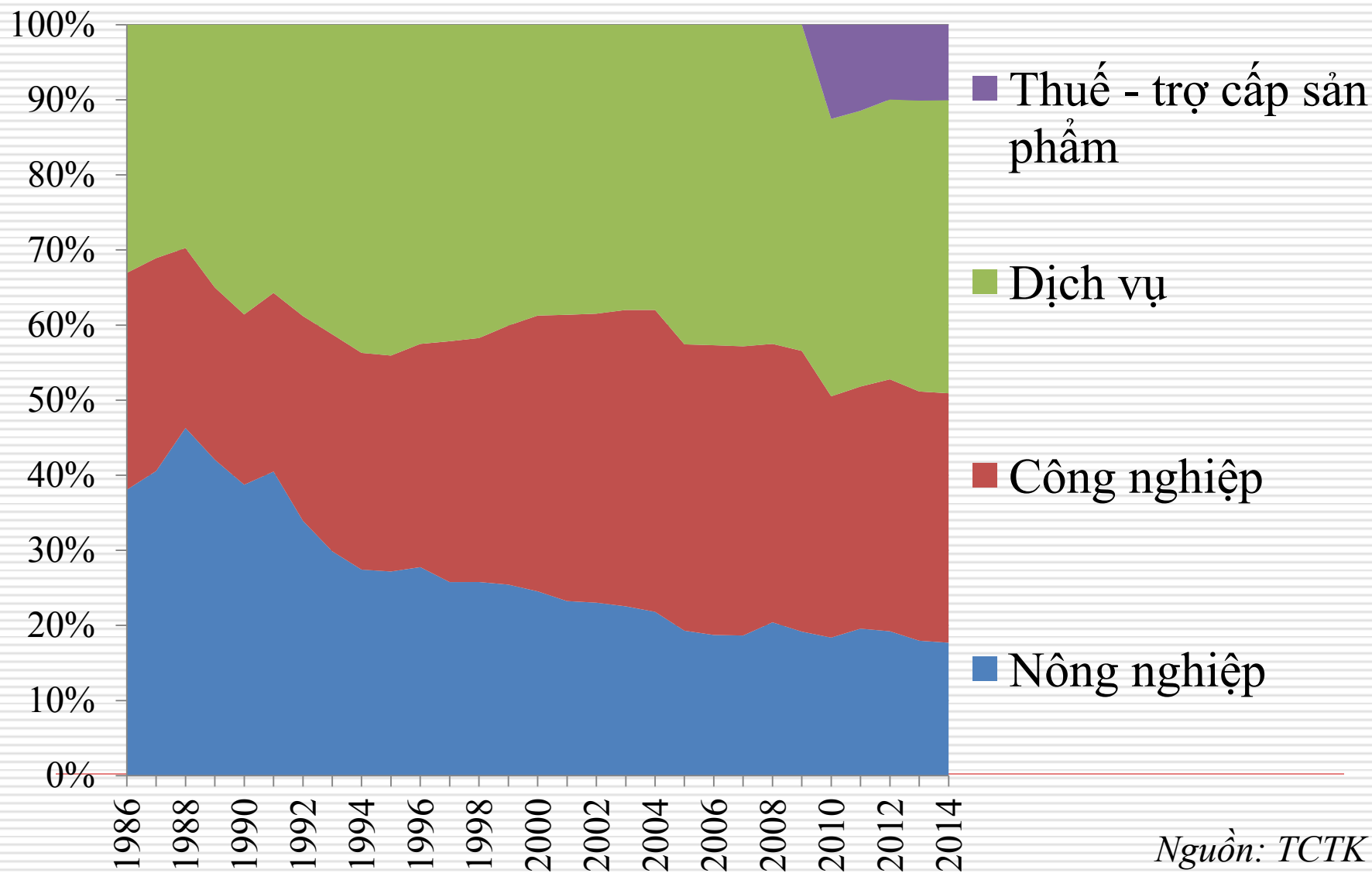
$$\text{GDP} = \text{Thu nhập} [\text{vốn} + \text{lao động} + \text{đất đai} + \text{tinh thần kinh doanh}]$$

$$\text{GDP} = \text{Cho thuê} + \text{Tiền lãi} + \text{Lợi nhuận} + \text{Hiệu chỉnh} + \text{Lương}$$

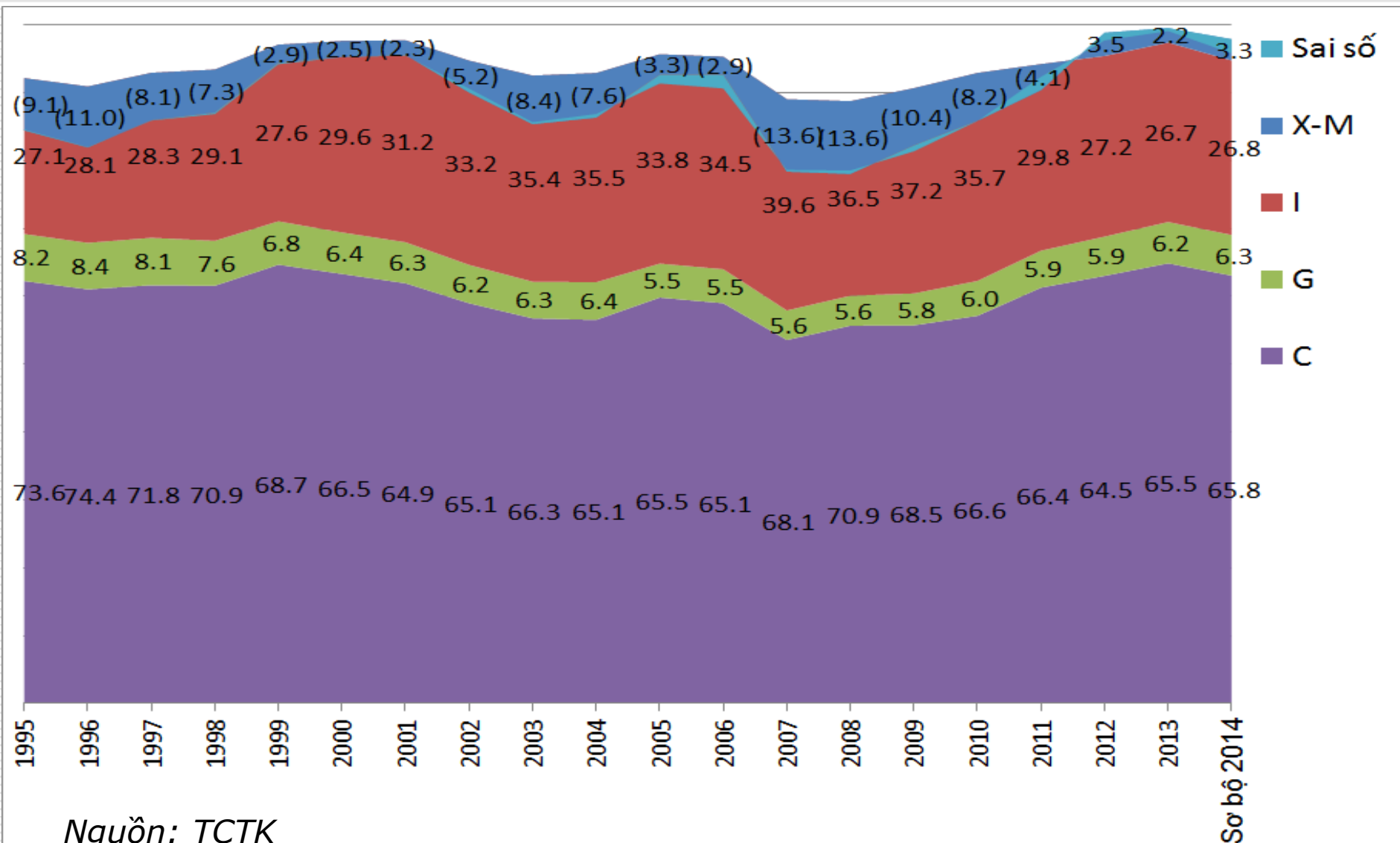
- ✓ Phương pháp tiêu dùng

$$\text{GDP} = C + G + I + (X-M)$$

GDP tính theo phương pháp sản xuất



Cơ cấu tiêu dùng trong GDP của VN

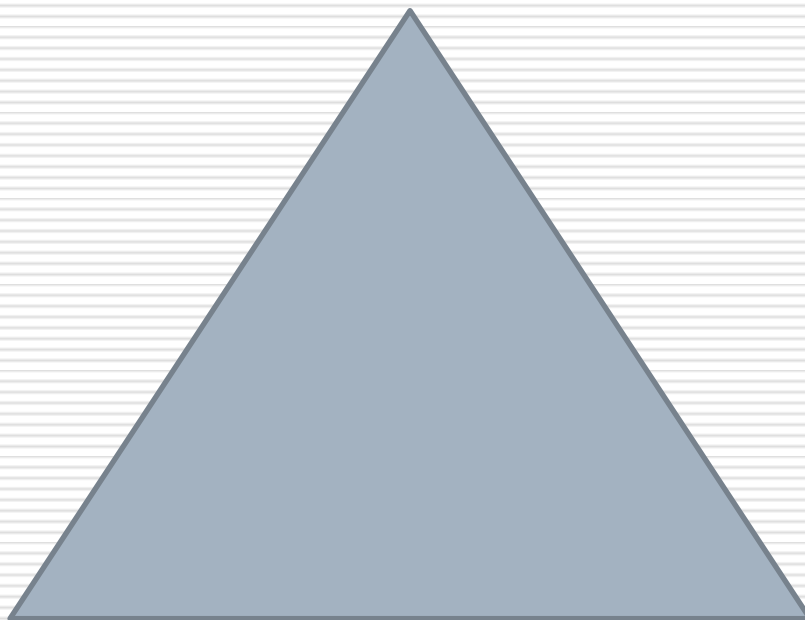


5 thuộc tính của hệ thống thuế “tốt”

- ✓ **Hiệu quả kinh tế:** Hệ thống thuế không nên can thiệp vào sự phân bổ nguồn lực hiệu quả.
 - ✓ **Đơn giản về mặt hành chính:** Hệ thống thuế phải dễ dàng và tương đối không tốn kém khi thực thi.
 - ✓ **Linh hoạt:** Hệ thống thuế nên có khả năng đáp ứng một cách dễ dàng và tự động trong một số trường hợp khi tình hình kinh tế thay đổi
 - ✓ **Trách nhiệm chính trị minh bạch:** Hệ thống thuế nên được thiết kế minh bạch, sao cho các cá nhân có thể xác nhận họ nộp bao nhiêu.
 - ✓ **Công bằng:** Hệ thống thuế phải công bằng về cách đối xử tương đối với các cá nhân khác nhau.
-

5 thuộc tính có thể gộp thành ba

Hiệu quả



Công bằng

Khả thi hành chính

Các nguồn thu ngân sách của VN

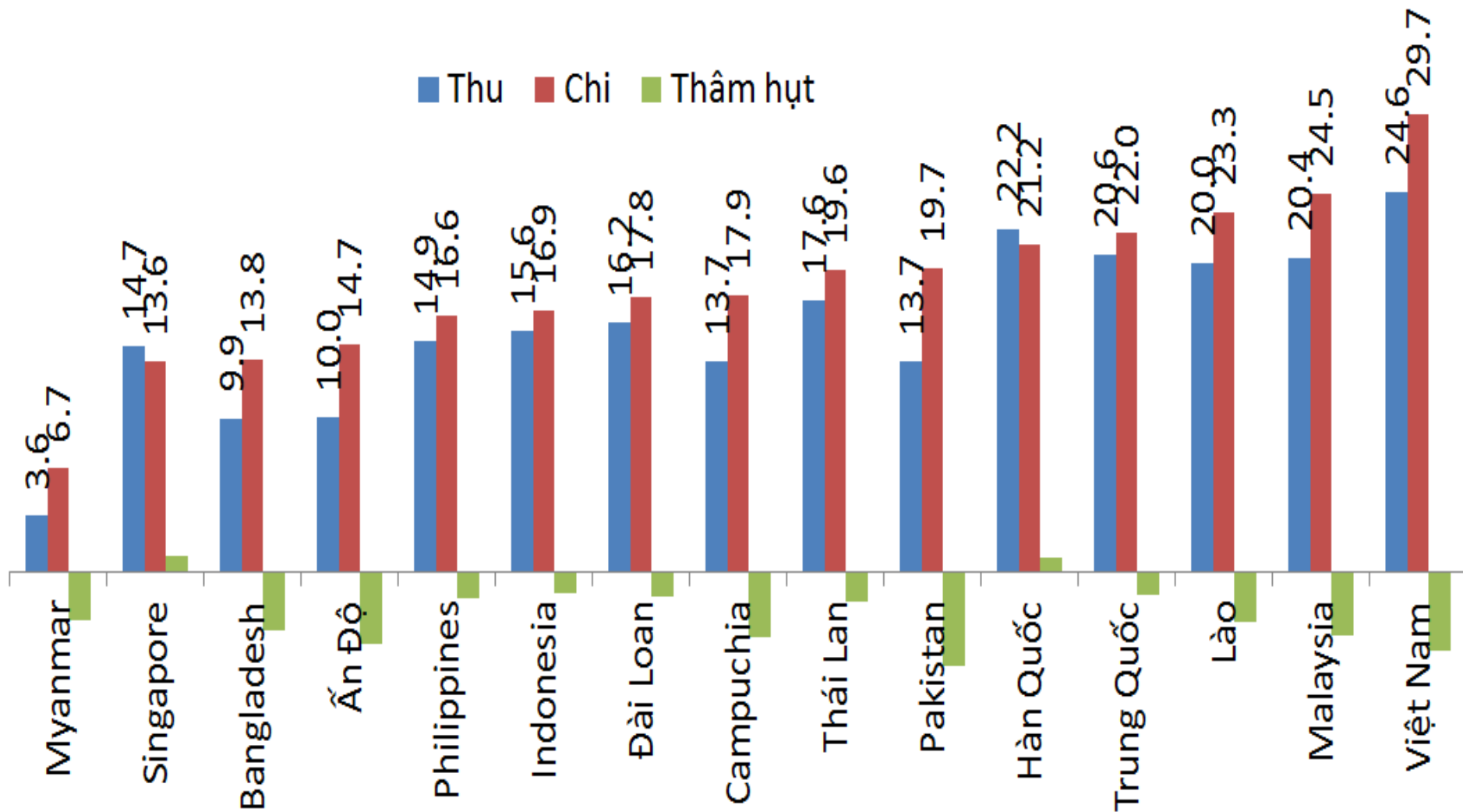
Thuế, phí và lệ phí

- ✓ Thuế giá trị gia tăng
- ✓ Thuế ngoại thương
- ✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt
- ✓ Thuế bảo vệ môi trường
- ✓ Thuế tài nguyên
- ✓ Thuế thu nhập DN
- ✓ Thuế thu nhập cá nhân
- ✓ Thuế môn bài
- ✓ Thuế SD đất nông nghiệp
- ✓ Thuế SD đất phi NN
- ✓ Phí và lệ phí

Các nguồn khác

- ✓ Tiền sử dụng hoặc cho thuê đất
- ✓ Bán tài sản nhà nước
- ✓ Xổ số kiến thiết
- ✓ Cổ tức, thu hồi vốn
- ✓ Thu từ quỹ dự trữ tài chính
- ✓ Kết dư ngân sách
- ✓ Chuyển nguồn từ năm trước
- ✓ Viện trợ
- ✓ Vay nợ
- ✓ Khác

Ngân sách của một số nước



Nguồn: EIU và TCTK

Dự toán cân đối NSNN 2016

<u>A</u>	<u>Thu NSNN và viện trợ (Nghìn tỷ)</u>	<u>1.015</u>
1	Thu từ thuế và phí	961
2	Thu về vốn	50
3	Thu viện trợ không hoàn lại	3
<u>B</u>	<u>Thu kết chuyển</u>	<u>5</u>
<u>C</u>	<u>Tổng chi ngân sách</u>	<u>1.217</u>
	Chi so với GDP	23,7%
1	Chi đầu tư phát triển	255
2	Chi thường xuyên	936
3	Dự phòng	26
<u>D</u>	<u>Chi kết chuyển năm sau</u>	<u>0</u>
<u>E</u>	<u>Chi trả nợ gốc</u>	<u>57</u>
<u>F</u>	<u>Bội chi ngân sách (không gồm nợ gốc)</u>	<u>197</u>
	Bội chi so với GDP (%)	3,8%
<u>G</u>	<u>Bội chi ngân sách theo phân loại của Việt Nam</u>	<u>254</u>
	Bội chi so với GDP (%)	4,95%

Nguồn: Bộ Tài chính Việt Nam

Dự toán thu NSNN 2016

	<u>Tổng (Nghìn tỷ)</u>	<u>1.015</u>	<u>100,0%</u>
I	Thu thường xuyên	961	94,7%
I.1	Thu thuế	816	80,4%
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	201	19,8%
2	Thuế thu nhập cá nhân	64	6,3%
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1	0,1%
4	Thuế môn bài	2	0,2%
5	Lệ phí trước bạ	23	2,2%
6	Thuế giá trị gia tăng	295	29,1%
7	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước	71	7,0%
8	Thuế tài nguyên	30	3,0%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		0,0%
10	Thuế XNK, TTĐB và BVMT hàng NKhẩu	91	9,0%
11	Thuế bảo vệ môi trường	38	3,8%
I.2	Thu phí, lệ phí và thu ngoài thuế	145	14,3%
12	Thu phí, lệ phí	16	1,6%
13	Thu tiền cho thuê đất	12	1,2%
14	Các khoản thu khác	118	11,6%
II	Thu về vốn (thu bán nhà ở, thu tiền sử dụng đất)	50	5,0%
III	Viện trợ không hoàn lại	3	0,3%

Nguồn: Bộ Tài chính Việt Nam

Dự toán chi NSNN 2016

A	Tổng (Nghìn tỷ)	1,217	100.0%
I	Chi thường xuyên	936	76.9%
1	Chi quản lý hành chính	118	9.7%
2	Chi sự nghiệp kinh tế	85	7.0%
3	Chi sự nghiệp xã hội	415	34.1%
3.1	Chi giáo dục - đào tạo, dạy nghề	196	16.1%
3.2	Chi y tế	75	6.2%
3.3	Chi dân số và kế hoạch hoá gia đình	1	0.0%
3.4	Chi khoa học công nghệ	10	0.9%
3.5	Chi văn hoá thông tin	6	0.5%
3.6	Chi phát thanh truyền hình	4	0.3%
3.7	Chi thể dục thể thao	3	0.2%
3.8	Chi lương hưu và đảm bảo xã hội	120	9.9%
4	Chi trả nợ lãi	97	8.0%
5	Chi cải cách tiền lương	13	1.1%
II	Chi đầu tư phát triển	255	21.0%
III	Dự phòng	26	2.1%

Nguồn: Bộ Tài chính Việt Nam

Thuế trực thu

- ✓ Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ✓ Thuế thu nhập cá nhân
 - ✓ Thuế vốn
-

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- ✓ Nguyên tắc đánh thuế
 - ✓ Những cách thức làm tăng hoặc giảm thuế
 - ✓ Bóp méo động cơ
 - ✓ Nghịch lý cổ tức
 - ✓ Chuyển giá
 - ✓ Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ở Việt Nam:
 - 20% kể từ năm 2016
 - Khai thác dầu khí từ 32% đến 50%
 - Khai thác tài nguyên quý hiếm là 40% hoặc 50%
-

Thuế TN cá nhân từ TN thường xuyên

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Thuế TN cá nhân từ các nguồn thu nhập

Thu nhập tính thuế	Thuế suất (%)
a) Thu nhập từ đầu tư vốn	5
b) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
c) Thu nhập từ trúng thưởng	10
d) Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10
đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này	20
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này	0,1
e) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này	25
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này	2

Thuế gián thu

- ✓ Thuế giá trị gia tăng
 - Nguyên tắc tính thuế và các vấn đề liên quan
 - Thuế suất ở Việt Nam 0%, 5% và 10%
 - ✓ Thuế xuất nhập khẩu
 - ✓ Thuế tiêu thụ đặc biệt
-

Thuế TTĐB

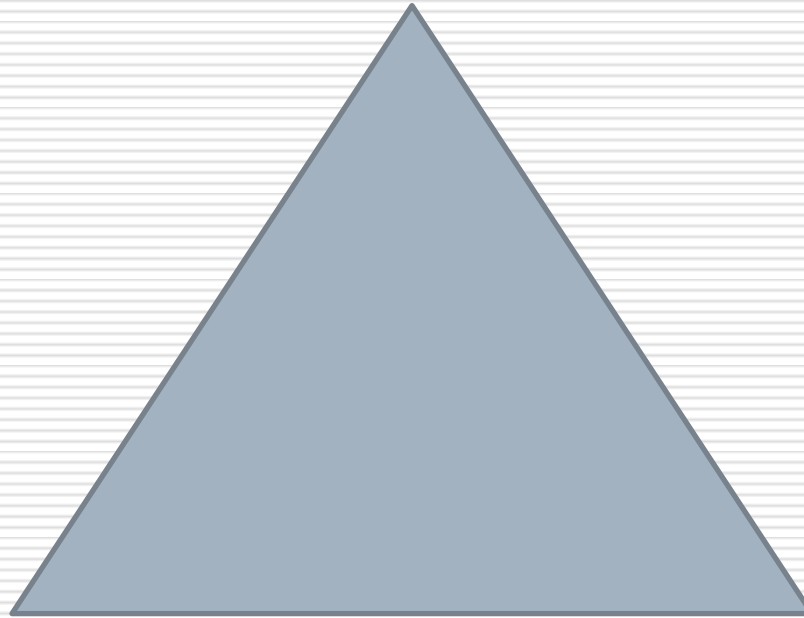
Sản phẩm/ dịch vụ	Thuế suất (%)
Xì gà/thuốc lá	
- Đến 31/12/2015	65
- Từ 01/01/2016 đến 31/12/2018	70
- Từ 01/01/2019	75
Rượu mạnh/rượu vang	
- Đến 31/12/2015	25 – 50
- Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	30-55
- Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	30-60
- Từ 01/01/2018	35-65
Bia	
- Đến 31/12/2015	50
- Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016	55
- Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	60
- Từ 01/01/2018	65
Xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi	10 - 60
Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm ³	20
Tàu bay	30
Du Thuyền	30
Xăng	7- 10
Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	10
Bài lá	40
Vàng mã, hàng mã	70
Kinh doanh vũ trường	40
Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	30
Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	
- Đến 31/12/2015,	30
- Từ 01/01/2016	35
Kinh doanh đặt cược	30
Kinh doanh gôn (golf)	20
Kinh doanh xổ số	15

Thuế tài sản

- ✓ Thuế sử dụng đất nông nghiệp
 - ✓ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
 - ✓ Thuế tài nguyên
 - ✓ Thuế bất động sản
-

Đánh giá các loại thuế từ ba thuộc tính

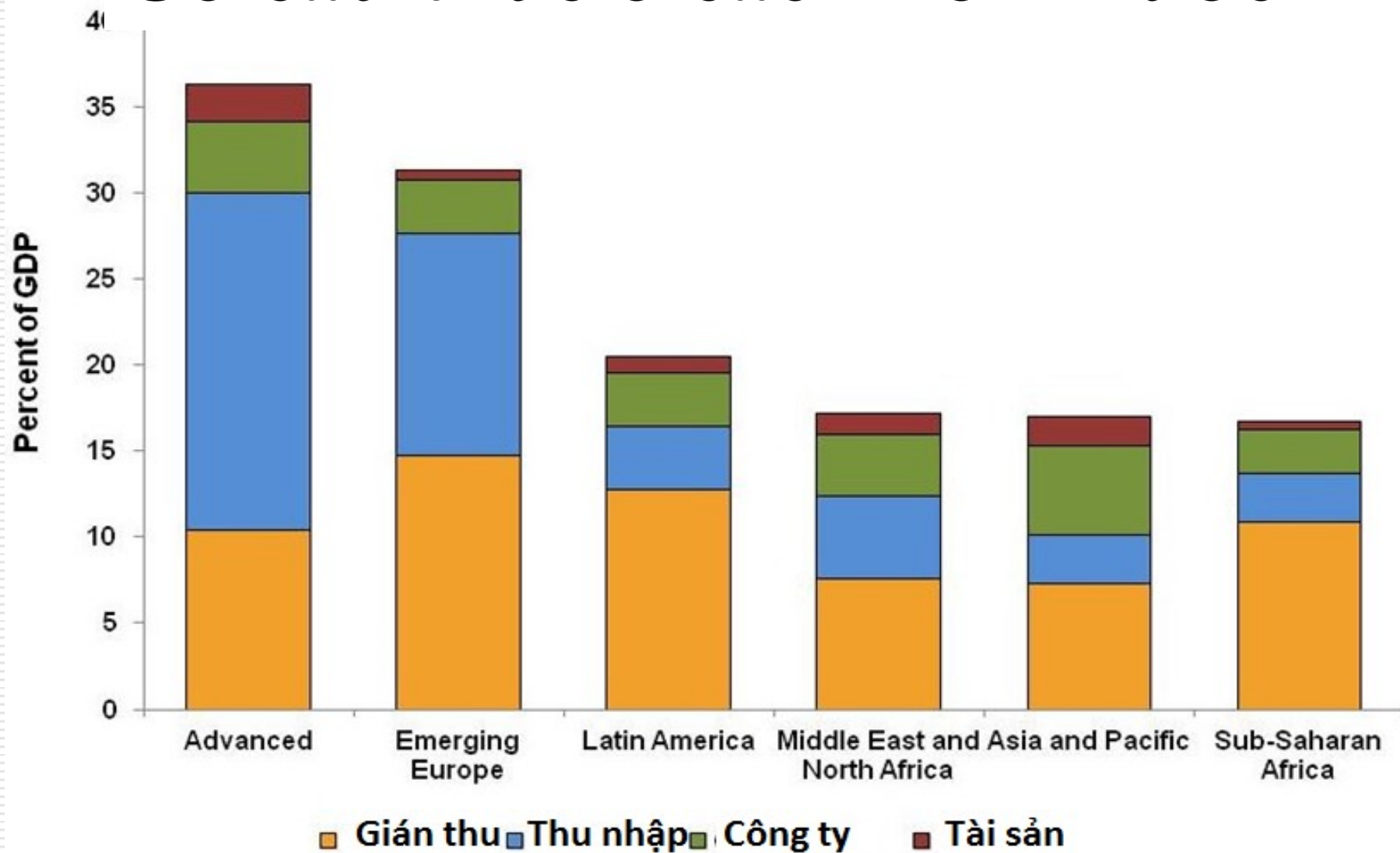
Hiệu quả



Công bằng

Khả thi hành chính

Cơ cấu thuế ở các nhóm nước



Nguồn: Google Image tính từ số liệu của IMF

Các vấn đề then chốt

- ✓ Mục tiêu của thuế nói riêng, nguồn thu ngân sách nói chung
 - ✓ Các đối tượng chịu/nộp thuế trong nền kinh tế
 - ✓ Các nguyên tắc để có một sắc thuế tốt
 - ✓ Các loại thuế ở Việt Nam và những vấn đề liên quan
-

Các nội dung chính bài tiếp theo

- ✓ Khuyến khích, ưu đãi, và cưỡng chế thuế
 - ✓ Các yếu tố ảnh hưởng đến việc không tuân thủ và làm thất thoát nguồn thu
 - ✓ Một số đặc tính cần thiết của một cơ chế thuế tốt
 - ✓ Vấn đề then chốt để làm sao cho:
 - Lợi ích của việc tuân thủ cao nhưng chi phí tuân thủ thấp
 - Lợi ích của việc không tuân thủ thấp nhưng chi phí cao
-